CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO

Ngày 30/06/2025	64,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	59.1%	**39.2%**	**58.0%**

DT thuần *Q2/25*
187 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 6.00| 3.3%
YoY: ▲ 5.00| 2.7%

LN thuần *Q2/25*
106 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 32.5| 44.3%
YoY: ▲ 14.7| 16.1%

LN sau thuế *Q2/25*
84.9 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 26.3| 44.9%
YoY: ▲ 10.8| 14.6%

Tỷ suất lãi EBIT *Q2/25*
56.7%
YoY: +/-▲ 16.1%

ROE (TTM) *Q2/25*
70.8%
YoY: +/-▼ 10.2%

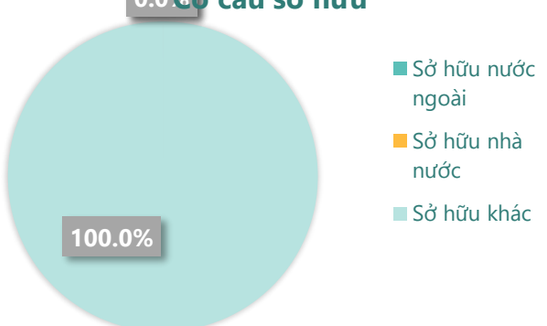
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	24,935 - 51,846
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,306
Số lượng CPLH (CP)	20,399,960
KLGD BQ 20 phiên (CP)	102,980
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.14
EPS	14,816
P/E	4.3

DT thuần *6T 2025*
368 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 138| 60.3%

LN thuần *6T 2025*
180 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 77.0| 73.5%

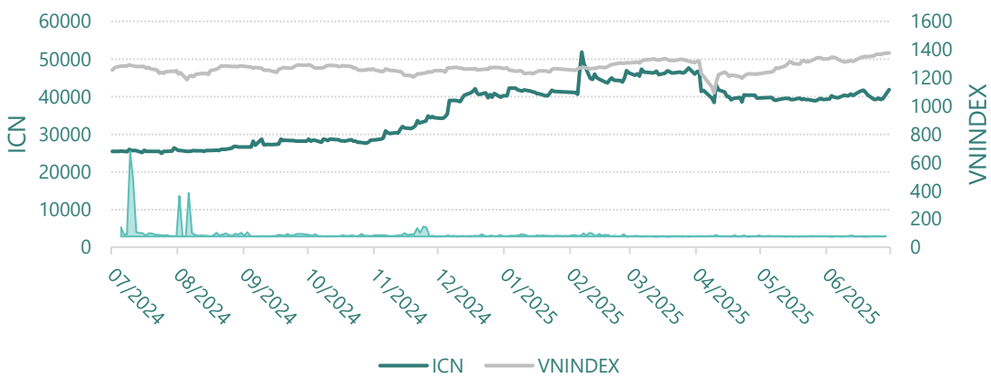
LN sau thuế *6T 2025*
144 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 60.1| 71.2%

Cơ cấu sở hữu

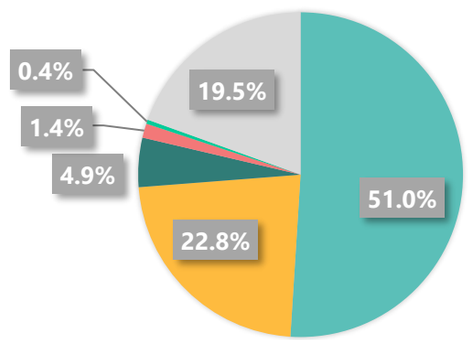


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



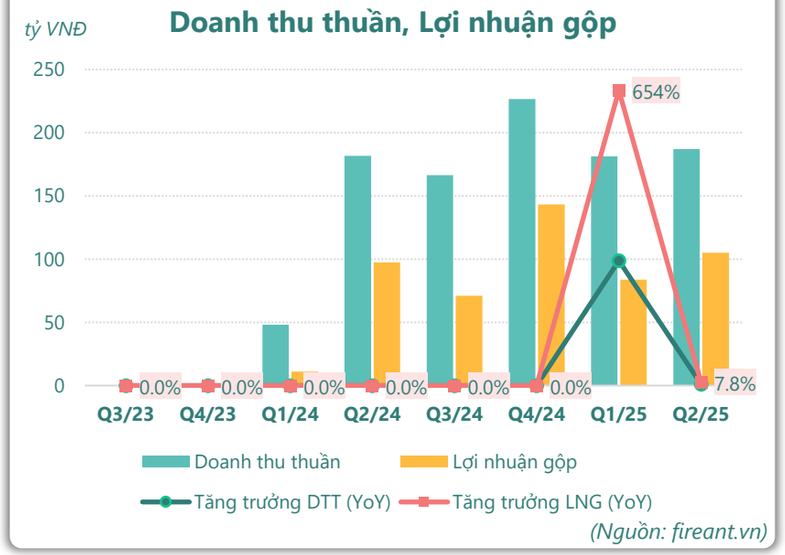
Cơ cấu cổ đông



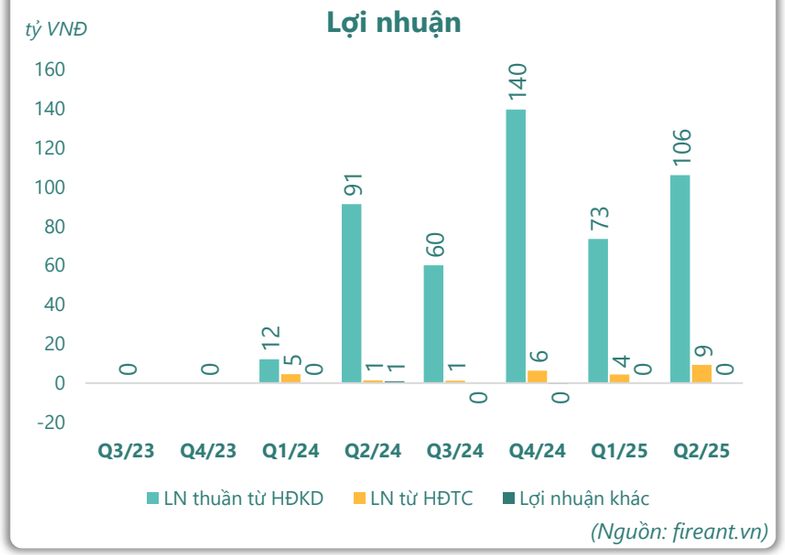
- Tổng công ty IDICO - CTCP
- CTCP Tập đoàn HAYAT Việt Nam
- CTCP Đầu tư Phát triển xây dựng Việt Nam
- Vũ Anh Tuấn (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Thị Hải Yến
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

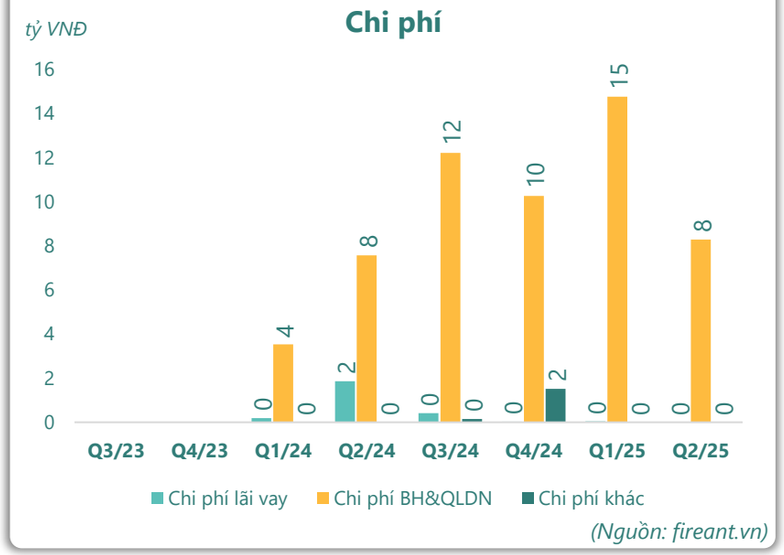
KẾT QUẢ KINH DOANH



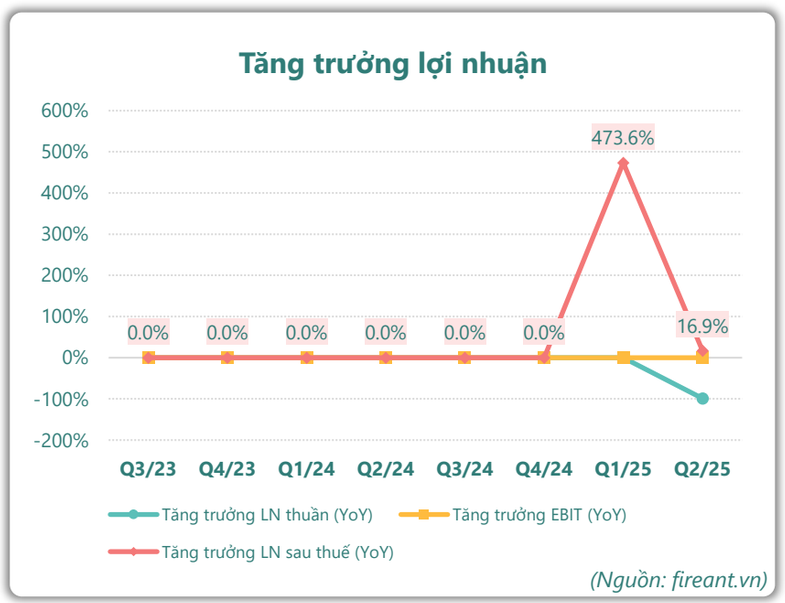
(Nguồn: fireant.vn)



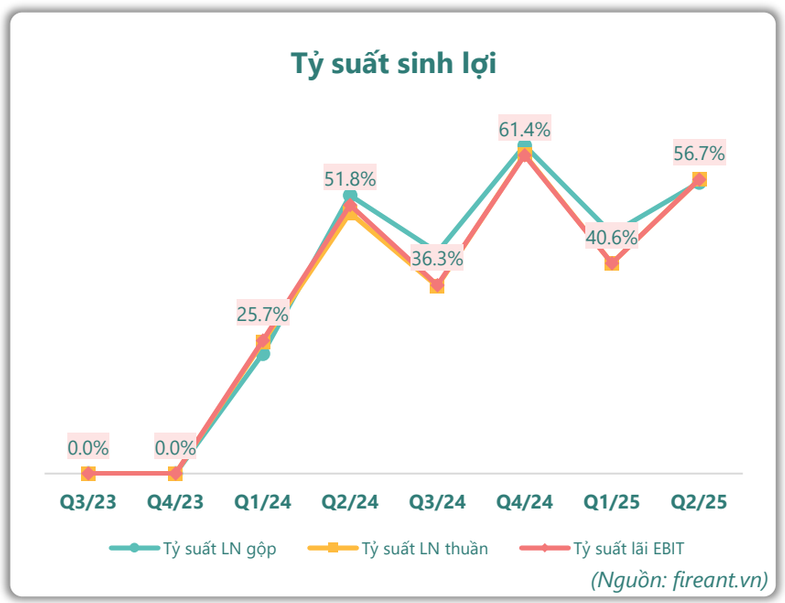
(Nguồn: fireant.vn)



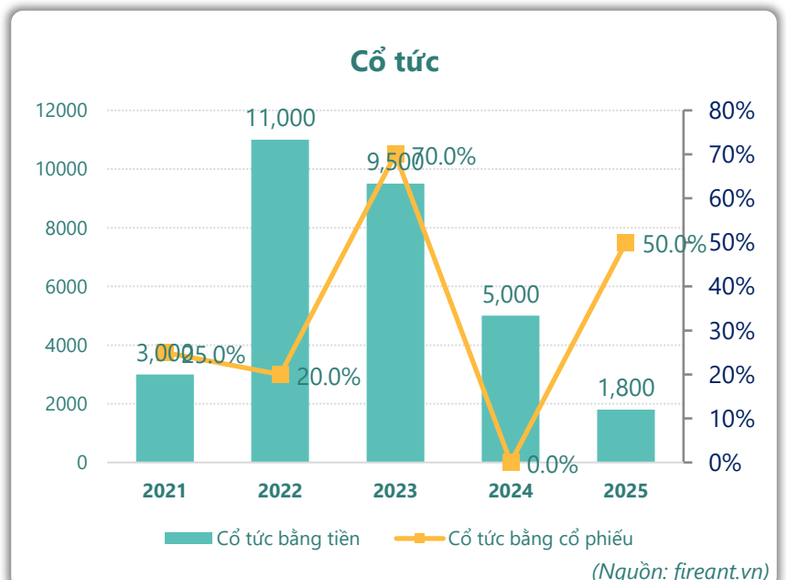
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



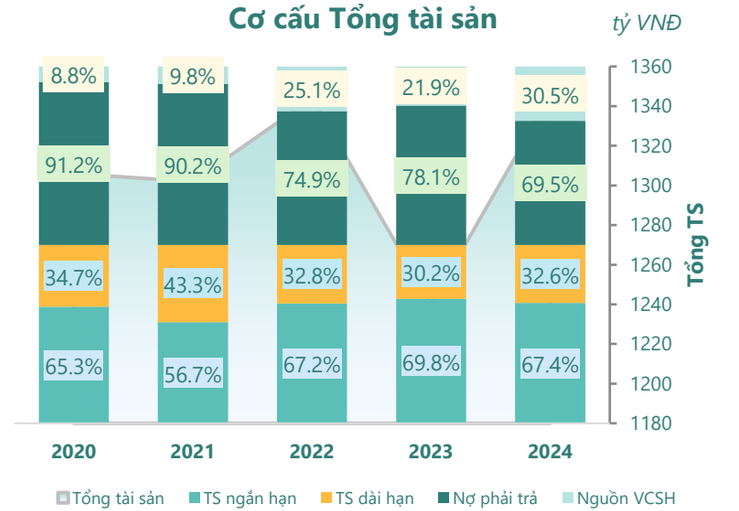
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

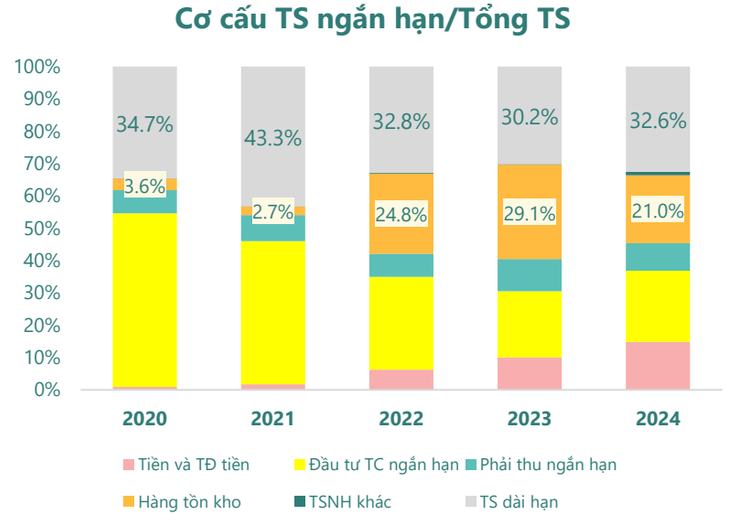
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



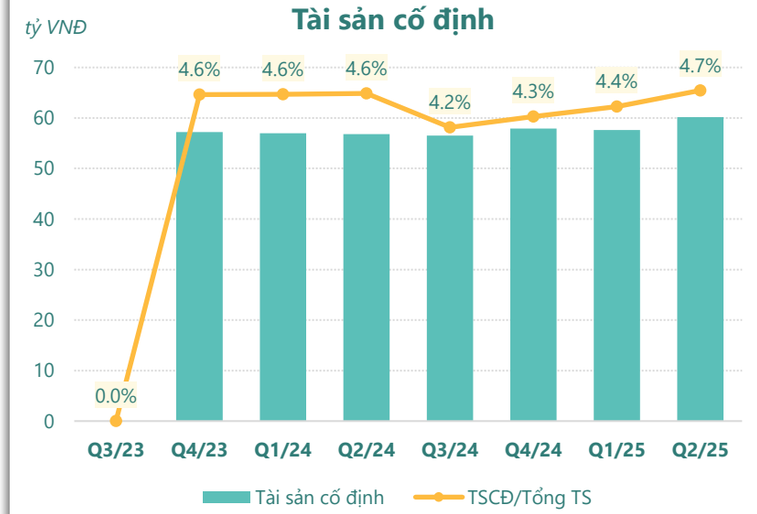
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



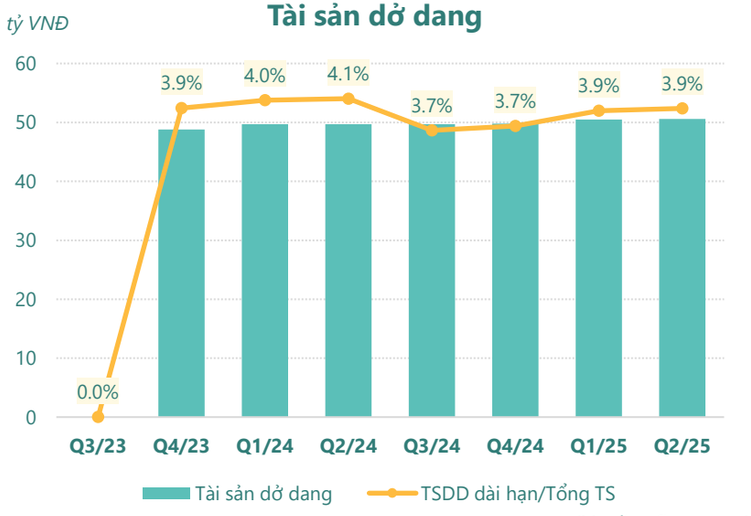
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



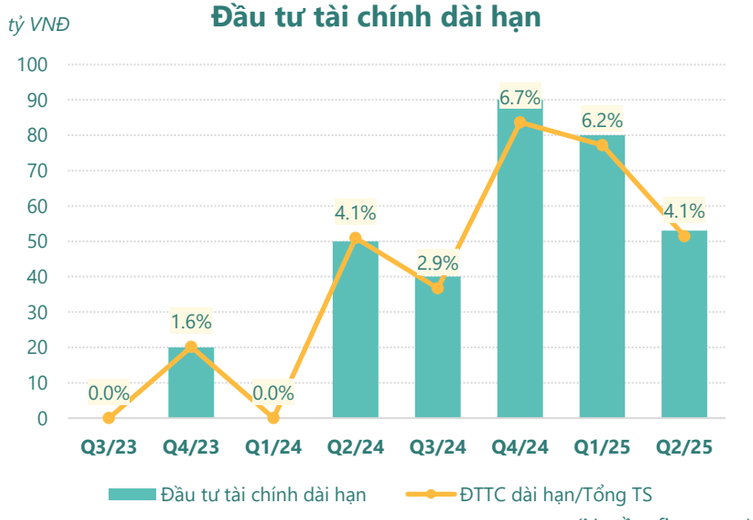
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



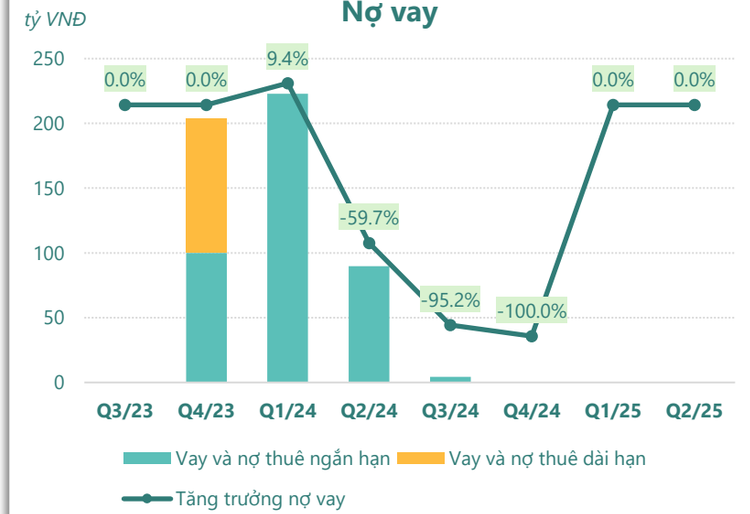
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

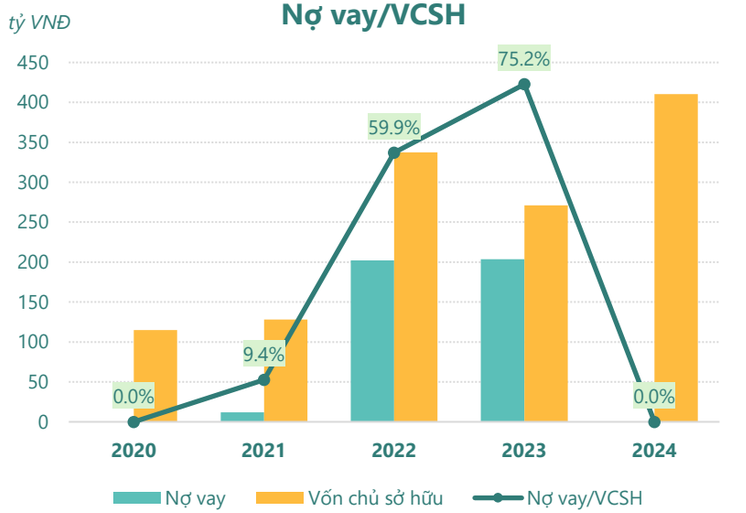
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

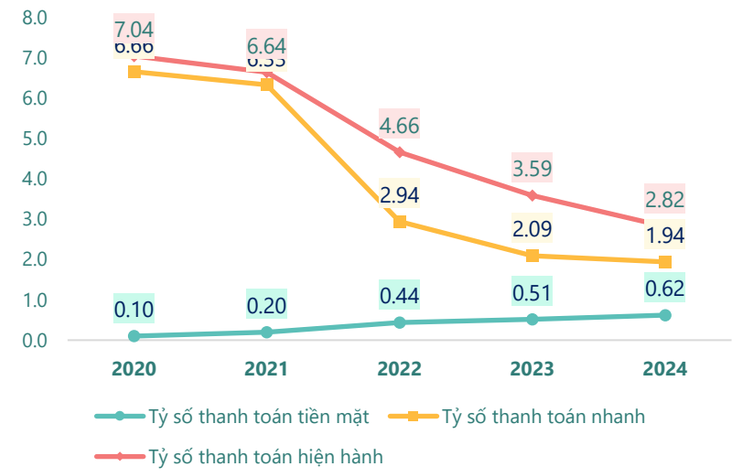
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



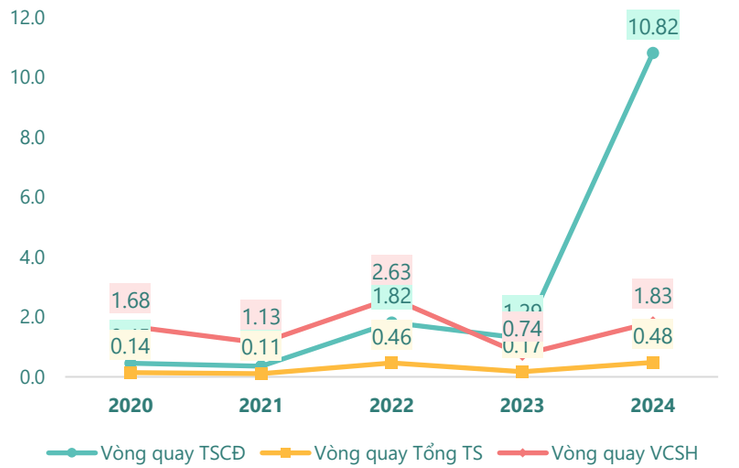
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



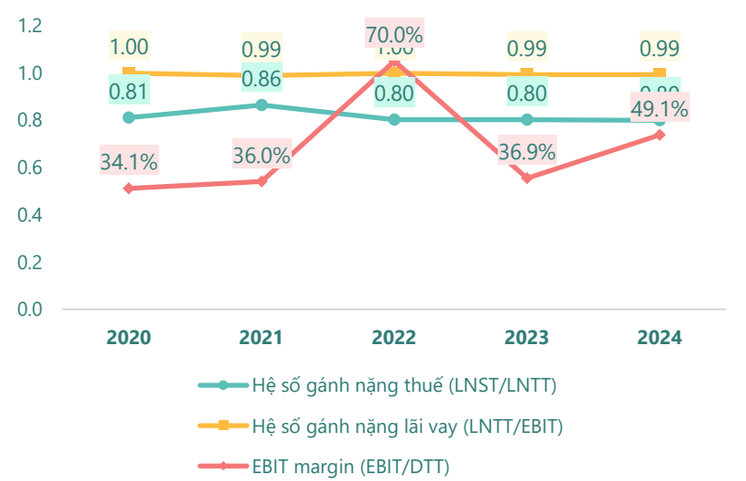
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



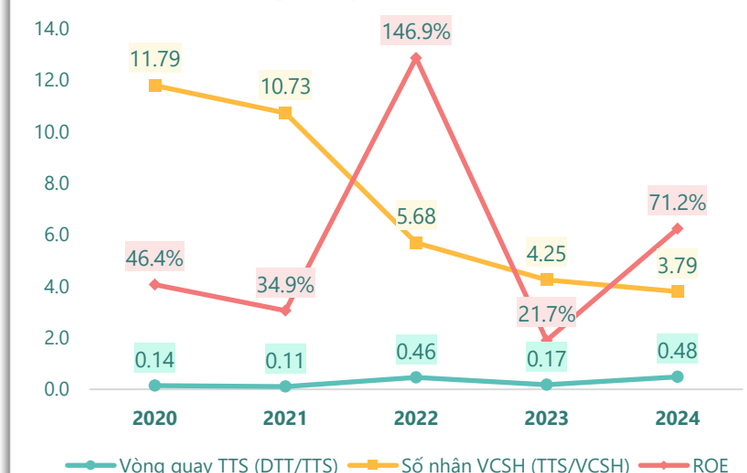
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



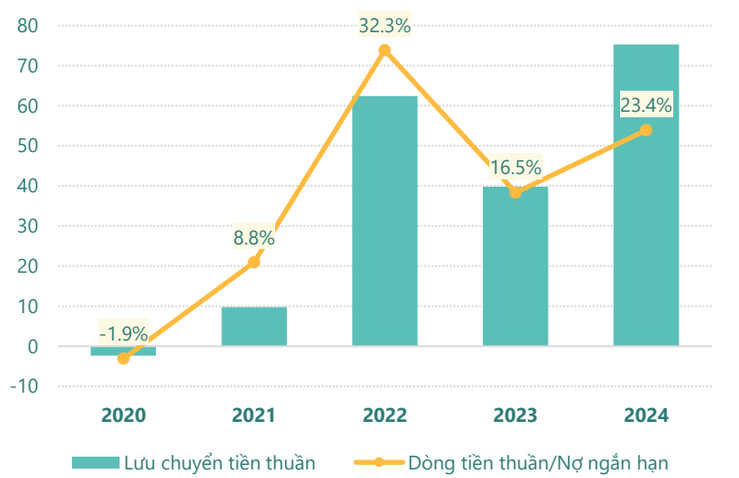
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**187**	**182**	**2.7%**	**368**	**230**	**60.3%**
Giá vốn hàng bán	81.9	84.2	-2.7%	179	121	48.0%
Lợi nhuận gộp	105	97.4	7.8%	189	109	74.0%
Doanh thu HĐTC	10.4	4.51	130%	17.8	9.27	91.5%
Chi phí TC	1.07	3.11	-65.6%	4.09	3.29	24.2%
Chi phí lãi vay	0.01	1.86	-99.7%	0.05	2.04	-97.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.77	3.63	3.8%	13.5	3.63	273%
Chi phí QLDN	**4.52**	**3.94**	**14.8%**	**9.55**	**7.47**	**27.7%**
LN thuần từ HĐKD	106	91.3	16.1%	180	103	73.5%
Lợi nhuận khác	**0.01**	**0.97**	**-98.8%**	**0.01**	**0.97**	**-98.9%**
LN trước thuế	106	92.3	14.9%	180	104	71.9%
Lợi nhuận sau thuế	**84.9**	**74.1**	**14.6%**	**144**	**83.9**	**71.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**84.9**	**74.1**	**14.6%**	**144**	**83.9**	**71.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-35.0	146	242	75.4	41.5	68.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	40.9	-50.9	-1.50	-77.2	-105	-59.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-11.4	-133	-85.4	-35.0	-40.7	-20.3
Tiền đầu kỳ	124	119	81.0	236	200	95.2
Lưu chuyển tiền thuần	**-5.51**	**-37.7**	**155**	**-36.9**	**-104**	**-10.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.09	-0.06	0.07	0.00	0.04
Tiền cuối kỳ	119	81.0	236	200	95.2	84.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,287**	**1,345**	**-4.3%**
Tài sản ngắn hạn	909	907	0.3%
Tiền và tương đương tiền	84.4	200	-57.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	507	296	71.5%
Phải thu ngắn hạn	115	115	0.1%
Hàng tồn kho	199	282	-29.6%
Tài sản ngắn hạn khác	3.66	13.9	-73.7%
Tài sản dài hạn	**378**	**438**	**-13.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	60.2	57.9	3.9%
Bất động sản đầu tư	212	235	-9.8%
Tài sản dở dang	50.6	49.8	1.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	53.0	90.0	-41.1%
Tài sản dài hạn khác	**2.59**	**5.69**	**-54.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	757	934	-19.0%
Nợ ngắn hạn	**153**	**322**	**-52.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	13.8	9.46	45.7%
Nợ dài hạn	604	613	-1.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**531**	**410**	**29.3%**
Vốn chủ sở hữu	**531**	**410**	**29.3%**
Vốn điều lệ	204	204	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)